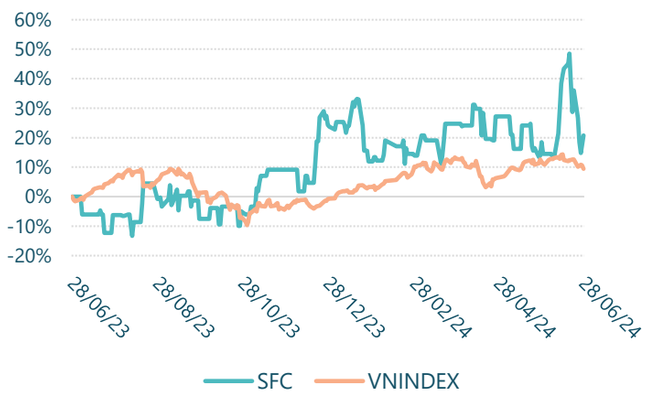
CTCP Nhiên liệu Sài Gòn (HSX: SFC)

FireAnt

Ngày 28/06/2024	21,300 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	5.4%	**-3.2%**	**-6.4%**

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	15,293 - 26,200
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	239
Số lượng CPLH (CP)	11,234,819
KLGD BQ 20 phiên (CP)	6,925
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.40
EPS	2,093
P/E	10.2

Tỷ suất lợi nhuận



Doanh thu thuần

Q2/24

417

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 5.00 | 1.3%

YoY: ▲ 45.0 | 12.2%

Nợ/VCSH

Q2/24

40.1%

YoY: +/-▼ 19.9%

LN gộp

Q2/24

20.3

tỷ VNĐ

QoQ: ▼1.60 | -7.3%

YoY: ▼0.80 | -3.8%

ROE (TTM)

Q2/24

13.2%

YoY: +/-▲ 0.7%

LN trước thuế

Q2/24

6.39

tỷ VNĐ

QoQ: ▼1.11 | -14.8%

YoY: ▲ 2.10 | 48.9%

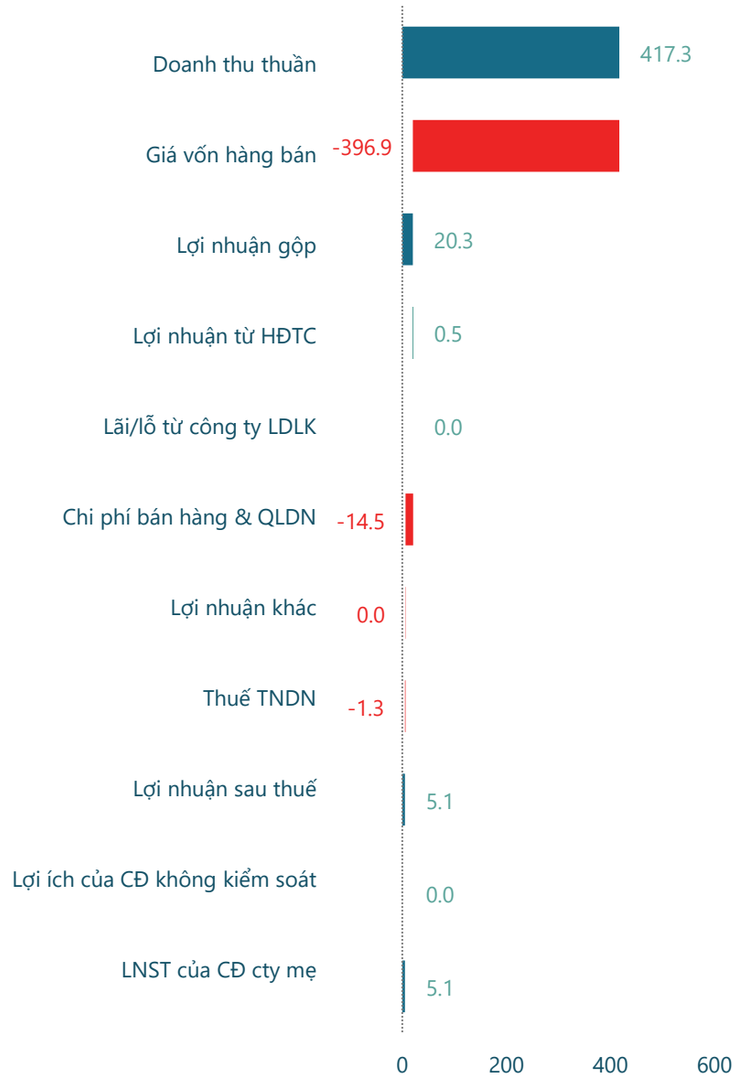
ROA (TTM)

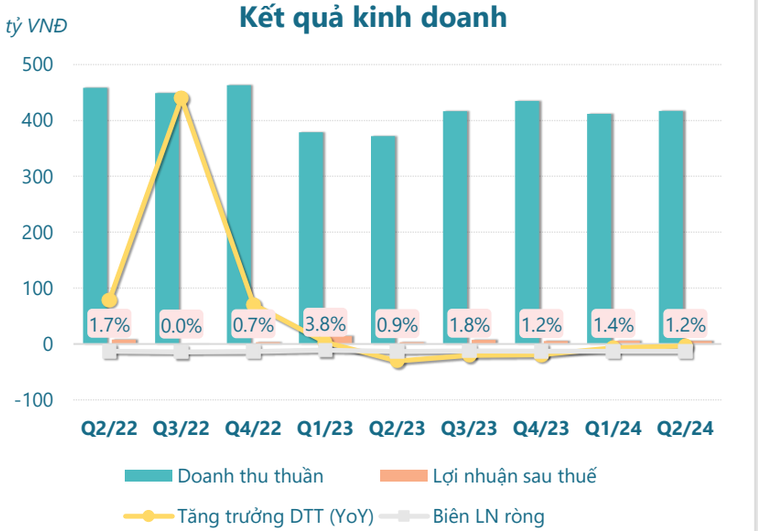
Q2/24

9.5%

YoY: +/-▲ 1.2%

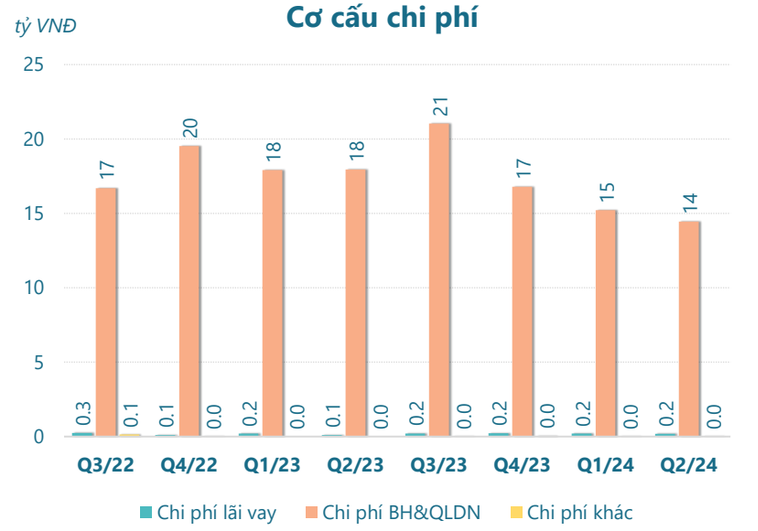
Kết quả kinh doanh Q2/24





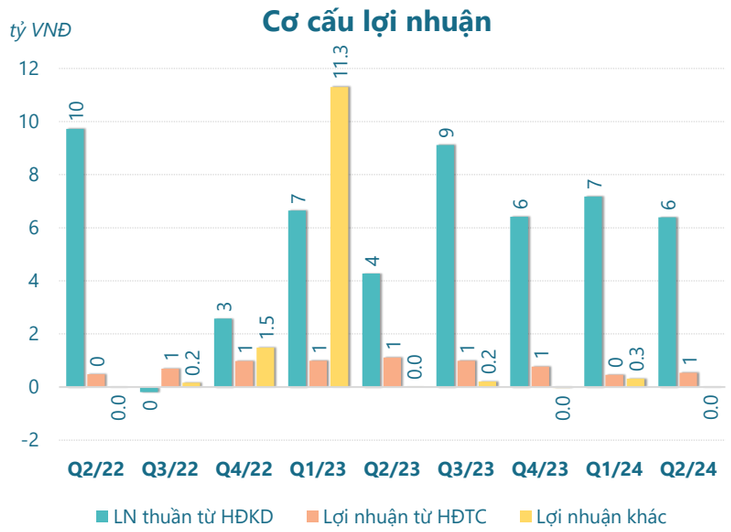
Tại quý II năm 2024, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ghi nhận **lãi 6.39 tỷ đồng**, giảm đi 11.0% so với kỳ trước và cao hơn 49.3% so với cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận từ hoạt động tài chính **lãi 0.53 tỷ đồng**, tăng thêm 15.2% so với kỳ trước và thấp hơn 52.3% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận khác **bằng 0** giảm đi 100.0% so với kỳ trước và thấp hơn 100.0% so với cùng kỳ năm trước.



Kết quả kinh doanh của **SFC** quý II năm 2024, doanh thu thuần đạt **417.3 tỷ đồng** tăng thêm **12.2%** so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 5.07 tỷ đồng**, **tăng trưởng 50.0%** so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 6 tháng đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt **829.0 tỷ đồng** cao hơn 10.4% so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 11.00 tỷ đồng** thấp hơn 38.9% so với cùng kỳ năm trước.



Tại quý II, chi phí lãi vay bằng **0.19 tỷ đồng** giảm đi 5.00% so với kỳ trước và cao hơn 72.7% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp bằng **14.45 tỷ đồng** giảm đi 5.00% so với kỳ trước và thấp hơn 19.5% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí khác bằng **0.00 tỷ đồng** không đổi so với kỳ trước và bằng so với cùng kỳ năm trước.

CTCP Nhiên liệu Sài Gòn (HSX: SFC)

FireAnt

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q1/24	Thay đổi QoQ	Q2/23	Thay đổi YoY	6T 2024	6T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**417**	**412**	**1.3%**	**372**	**12.2%**	**829**	**751**	**10.4%**
Giá vốn hàng bán	397	390	1.8%	351	13.1%	787	706	11.4%
Lợi nhuận gộp	20.3	21.9	-7.3%	21.1	-3.8%	42.2	44.7	-5.5%
Doanh thu HĐTC	0.73	0.66	10.2%	1.22	-40.4%	1.39	2.41	-42.3%
Chi phí TC	0.19	0.20	-3.6%	0.11	75.2%	0.40	0.31	30.2%
Chi phí lãi vay	0.19	0.20	-3.6%	0.11	75.2%	0.39	0.31	28.6%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	11.5	12.2	-5.6%	14.9	-22.7%	23.8	29.5	-19.5%
Chi phí QLDN	**2.93**	**2.97**	**-1.3%**	**3.01**	**-2.6%**	**5.90**	**6.32**	**-6.7%**
LN thuần từ HĐKD	6.39	7.18	-11.0%	4.28	49.3%	13.6	10.9	24.2%
Lợi nhuận khác	**0.00**	**0.32**	**-100%**	**0.01**	**-104%**	**0.32**	**11.3**	**-97.2%**
LN trước thuế	6.39	7.50	-14.8%	4.29	48.9%	13.9	22.2	-37.5%
Lợi nhuận sau thuế	**5.07**	**5.97**	**-15.0%**	**3.38**	**50.1%**	**11.0**	**17.7**	**-37.6%**
LNST của CĐ cty mẹ	**5.07**	**5.97**	**-15.0%**	**3.38**	**50.1%**	**11.0**	**17.7**	**-37.6%**

